

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 06 tháng 01 năm 2025
V/V: "Kiện đòi tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Vân.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-DS ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1943; Địa chỉ: Số nhà B, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1952 và bà Lê Thị Vân T1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số nhà I, đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Ông T xin vắng mặt, bà T1 có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số A, đường P, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Bà M xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Thông qua bà Ngô Thị M (bà M là chị họ bà), bà có biết bà Lê Thị Vân T1. Trong khoảng thời gian từ năm 2016-2017, bà có nhiều lần cho bà T1 vay tiền. Số tiền 155.000.000 đồng mà bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả là nằm trong tổng số tiền gốc 205.000.000 đồng mà bà cho bà T1 vay 6 lần trong khoảng năm 2016-2017, cụ

thể như sau: Lần 1 vay 70.000.000 đồng; Lần 2 vay 50.000.000 đồng; Lần 3 vay 50.000.000 đồng; Lần 4 vay 20.000.000 đồng; Lần 5 vay 10.000.000 đồng; Lần 6 vay 5.000.000 đồng.

Bà không nhớ cụ thể ngày tháng năm của các khoản vay nhưng cả 6 mã vay tiền trên bà T1 đều viết chung vào 1 tờ giấy vay tiền gốc và đưa cho bà giữ tờ giấy đó. Tuy nhiên, hiện nay bà không còn giấy vay tiền gốc của 6 khoản vay trên. Vì khi bà T1 trả bà khoản tiền 50.000.000 đồng vào tổng số nợ gốc trên thì bà có cầm giấy vay gốc cho đến nhà bà T1 để hỏi bà T1 xem số tiền 50.000.000 đồng mà bà T1 trả nợ cho bà là trả vào mã nào để bà gạch bỏ giấy vay gốc. Nhưng khi bà vừa đến cửa nhà bà T1 thì gặp bà T1 và bà M vừa đi đâu về đến nhà bà T1. Bà hỏi bà T1 có trả tiền cho bà nữa không thì bà T1 nói chưa có tiền trả. Sau đó, bà M liền giật lấy các tờ giấy vay nợ gốc mà bà đang cầm trên tay. Bà M bảo “đưa đây tao khác bảo nó trả”.

Ngày hôm đó, bà mang đến nhà bà T1 tổng 4 giấy vay nợ gốc, bao gồm 01 tờ giấy vay gốc tổng số tiền 205.000.000 đồng của 6 khoản vay mà bà kể trên và 03 tờ giấy vay gốc của các khoản vay khác (là 2 tờ giấy phô tô mà bà nộp cho Tòa án hôm trước, còn 1 tờ nữa bà đã làm mất). Đối với các khoản vay thể hiện tại 2 tờ giấy phô tô mà bà nộp cho Tòa án hôm trước, bà T1 đã trả hết tiền cho bà rồi, chỉ còn nợ lại 2.500.000 đồng. Bà không yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả bà số tiền 2.500.000 đồng này.

Khoảng 3 ngày hôm sau, bà có đến nhà bà M đòi lại 4 giấy vay tiền gốc thì bà M chỉ trả lại bà 3 tờ giấy vay tiền gốc (có 2 tờ là 2 giấy vay tiền phô tô mà bà nộp cho Tòa án, 1 tờ bà đã làm mất), còn 01 tờ giấy vay tiền gốc có ghi nội dung vay tổng số tiền 205.000.000 đồng thì bà M không trả cho bà mà đưa lại cho bà T1. Bà có hỏi bà M là tại sao đưa lại cho bà T1 tờ giấy vay tiền gốc của bà thì bà M bảo bà là “nó bảo nó trả tiền rồi thì đưa lại giấy gốc cho nó”. Sau đó, bà có xuống nhà bà T1 đòi giấy vay tiền gốc thì bà T1 cũng không trả bà giấy gốc. Từ đó đến nay, bà liên tục đòi tiền nhưng bà T1 không trả tiền.

Bà T1 khi đến vay tiền bà thì chỉ có một mình bà T1 đến, bà cũng chỉ đưa tiền cho một mình bà T1. Tiền bà cho bà T1 vay là tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến chồng bà hay gia đình bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền 155.000.000 đồng (là số nợ gốc còn lại của tổng số tiền gốc 205.000.000 đồng mà bà cho bà T1 vay 6 lần trong khoảng năm 2016-2017).

Bị đơn bà Lê Thị Vân T1 trình bày:

Thông qua bà Ngô Thị M (bà M là chị họ bà L), bà có biết bà Lê Thị L (bà L còn có tên gọi khác là T2). Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, bà có nhiều lần vay tiền của bà L. Mỗi lần bà vay tiền của bà L, bà đều viết giấy vay tiền và đưa cho bà L giữ giấy vay tiền gốc. Bà vay nhiều lần nên không thể nhớ

được tổng số tiền bà vay của bà L bao nhiêu tiền, vay bao nhiêu lần, vay ngày tháng năm nào. Mỗi lần bà trả tiền bà L, bà L đều trả lại bà giấy vay gốc hoặc bà L gạch bỏ (gạch chéo) nội dung tại giấy vay tiền.

Có một lần, cụ thể thời gian nào bà không nhớ, bà L có bảo bà trả bà L 50.000.000 đồng để bà L trả nợ người khác. Bà có bảo bà L là bà chưa có tiền nên bà L nếu có tiền cứ ứng ra trước, vài ngày nữa bà có tiền sẽ trả bà L. Sau đó bà L có yêu cầu bà viết một tờ giấy, nội dung là bà vay bà L 50.000.000 đồng. Thực tế đây là giấy “khống”, bà L yêu cầu bà viết như vậy là để bà cam kết sẽ trả bà L số tiền 50.000.000 đồng chứ thực tế ngày hôm đó bà không vay bà L số tiền 50.000.000 đồng. Vài ngày sau, bà trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng, lấy lại giấy vay tiền ghi khống nội dung vay 50.000.000 đồng mà bà L yêu cầu bà viết, đồng thời bà lấy lại giấy vay tiền gốc đối với khoản vay 50.000.000 đồng. Trước và sau khi bà trả bà L số tiền 50.000.000 đồng này, bà không nhớ là bà nợ bà L bao nhiêu tiền vì thời gian đã lâu rồi.

Sau đó một vài ngày, bà L có mang các giấy tờ vay gốc của các khoản vay mà bà vay bà L đến gặp bà M nhờ bà M giúp. Sau khi được bà M phân tích, bà L mới hiểu ra việc bà đã trả bà L 50.000.000 đồng thì bà phải lấy lại giấy vay gốc khoản vay 50.000.000 đồng và lấy lại tờ giấy vay viết “khống” khoản vay 50.000.000 đồng vì thực tế bà không nhận 50.000.000 đồng vào ngày bà viết tờ giấy vay “khống” đấy. Sau đó, bà L, bà M có đến nhà bà. Tại nhà bà, bà M đã trả bà L 4 tờ giấy gốc của các khoản vay mà bà vay bà L. Tuy nhiên, trong 4 tờ giấy vay gốc mà bà M trả bà L có 1 tờ giấy vay đã cũ quá rồi nên bà L bảo nhờ bà M làm chứng để bà viết lại giấy nội dung của tờ giấy vay tiền gốc đó. Bà có nhớ tờ giấy vay gốc đó thể hiện nội dung bà L cho bà vay 70.000.000 đồng, bà đã trả 20.000.000 đồng. Do vậy, bà viết lại cho bà L giấy vay tiền gốc khác, thể hiện nội dung có vay bà L số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi bà viết lại giấy vay gốc mới thì bà T1 đưa lại luôn cho bà L cả 4 giấy vay gốc (bao gồm 3 giấy vay gốc mà bà L đưa cho bà T1 từ trước và 1 tờ giấy vay gốc mà bà viết lại cho bà L). Còn tờ giấy vay gốc đã cũ sau khi viết lại giấy mới thì đã vứt ngay vào xô rác nhà bà.

Sau đó, bà đã trả cho bà L hết các khoản vay, bà L đã trả bà các giấy gốc và bà đã bỏ các giấy gốc đó đi rồi. Hiện nay bà chỉ còn nợ bà L 2.500.000 đồng của khoản vay gốc 50.000.000 đồng (khoản vay mà bà viết lại giấy cho bà L). Do vậy, bà chỉ đồng ý trả bà L 2.500.000 đồng, không đồng ý trả bà L 155.000.000 đồng như bà L khởi kiện.

Bị đơn ông Đỗ Xuân T trình bày:

Ông không biết vợ ông (bà T1) vay tiền của bà L khi nào, vay bao nhiêu tiền, dùng vào mục đích gì. Ông không được bà T1 thông báo hay bàn bạc gì. Ông khẳng định bà T1 vay tiền bà L là việc riêng của bà T1, không liên quan gì đến ông. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông và bà T1 phải trả tiền, quan điểm của ông là

không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì ông không biết và không liên quan gì đến khoản vay. Do ông bận đi làm nên đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị M trình bày:

Bà với bà L (bà L còn có tên gọi khác là T2) là chị em họ, bà L là chị họ của bà. Bà sống cùng khu phố với bà T1. Cách đây khoảng 5-6 năm (cụ thể năm nào bà không nhớ), bà L sau khi rút tiền tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N về thì có nói với bà là có biết ai muốn vay tiền không thì giới thiệu cho bà L vì nếu bà L vẫn gửi tiền Ngân hàng thì không được bao nhiêu tiền lãi. Bà có bảo bà L là hay cho bà Lê Thị Vân T1 (chồng là Đỗ Xuân T) cùng khu phố nhà bà vay tiền vì bà T1 buôn bán gỗ, thường xuyên cần vốn làm ăn. Sau đó bà có giới thiệu bà T1 đến gặp L, còn cụ thể bà L cho bà T1 vay bao nhiêu tiền, cho vay bao nhiêu lần thì bà không biết.

Sau đó một thời gian (cụ thể ngày tháng năm nào bà không nhớ), bà L có đến nhà bà, đưa cho bà 4 tờ giấy vay gốc (bà L đưa thì bà cầm chứ bà không xem nội dung các tờ giấy vay gốc đầy như thế nào vì bà không liên quan gì đến các khoản vay của bà L và bà T1). Bà L nói nhờ bà giúp bà L. Bà L nói bà L cho bà T1 vay tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bà L bảo bà L có đòi bà T1 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để bà L trả nợ người khác nhưng bà T1 bảo chưa có tiền nên bà T1 có bảo bà L có tiền cứ ứng ra, vài ngày nữa bà T1 có tiền sẽ trả bà L. Sau đó bà L có yêu cầu bà T1 viết một tờ giấy, nội dung là bà T1 vay bà L 50.000.000 đồng nhưng thực tế không phải bà L cho bà T1 vay tiền mà thực tế đây là giấy “khống”, bà L yêu cầu bà T1 viết như vậy là để bà T1 cam kết sẽ trả bà L số tiền 50.000.000 đồng. Đến khi bà T1 trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng thì bà T1 đã lấy lại giấy vay tiền 50.000.000 đồng, đồng thời bà T1 bảo phải trừ vào số tiền gốc mà bà T1 vay của bà L.

Sau khi nghe sự việc từ phía bà L và bà T1 thì bà đã hiểu rõ sự việc: Thực chất, khi bà L đòi bà T1 trả 50.000.000 đồng, bà T1 chưa trả được ngay tiền nên mới mới phải viết một tờ giấy vay “khống” chứ thực chất bà L không cho bà T1 50.000.000 nữa. Tổng nợ gốc của bà L với bà T1 chỉ là 300.000.000 đồng thôi. Sau khi bà T1 trả bà L 50.000.000 đồng thì bà T1 chỉ còn nợ bà L 250.000.000 đồng.

Ngay sau hôm ngày bà L đến nhà bà đưa cho bà 4 tờ giấy gốc, bà đã bảo bà L xuống nhà bà. Tại nhà bà, có bà, chồng bà (Ngô Thế T3), con trai bà (Ngô Thế T4) cùng nhau phân tích và nói để bà L hiểu rõ sự việc. Sau khi được gia đình bà phân tích mãi thì bà L mới hiểu ra sự việc. Sau đó, bà đưa bà L đến nhà bà T1, tại nhà bà T1 có sự chứng kiến của bà T1 thì bà đã trả bà L 4 tờ giấy gốc mà bà L đưa cho bà từ trước. Tuy nhiên, trong 4 tờ giấy vay gốc mà bà trả bà L có 1 tờ giấy vay đã cũ quá rồi nên bà L bảo nhờ bà làm chứng để bảo bà T1 viết lại giấy nội dung của tờ giấy vay tiền gốc đó. Bà có nhớ tờ giấy vay gốc đó thể hiện nội dung bà L cho bà

T1 vay 70.000.000 đồng, bà T1 đã trả 20.000.000 đồng. Do vậy, bà T1 viết lại cho bà L giấy vay tiền gốc khác, thể hiện nội dung có vay bà L số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi bà T1 viết lại giấy vay gốc mới thì bà đưa lại luôn cho bà L cả 4 giấy vay gốc (bao gồm 3 giấy vay gốc mà bà L đưa cho bà và 1 tờ giấy vay gốc mà bà T1 viết lại cho bà L). Còn tờ giấy vay gốc đã cũ sau khi viết lại giấy mới thì đã vứt ngay vào xô rác nhà bà T1. Bà chỉ chứng kiến sự việc như vậy, còn bà không liên quan gì đến việc vay tiền của bà T1 với bà L.

Đối với ý kiến của bà L trình bày bà vẫn cầm giấy tờ gốc của bà L là không đúng, bà đã trả bà L cả 4 tờ giấy gốc mà bà L đưa cho bà. Khi bà trả giấy vay gốc cho bà L, tuy bà và bà L không lập biên bản giấy tờ gì nhưng việc bà trả giấy gốc cho bà L là có thật, trả lại nhà bà T1, có bà T1 chứng kiến.

Bà có được Toà án cho xem bản phô tô tờ giấy vay tiền có nội dung “Ngày 30/5/2018 tôi là Lê Thị Thanh số nhà 344 đường H, T, Đ, Bắc Giang có vay của bà T2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)”. Bà xác nhận đây chính là bản phô tô của tờ giấy vay gốc mà bà T1 viết lại cho bà L tại nhà bà T1. Do bận đi làm nên đề nghị Toà án cho bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 10/12/2024, ông Ngô Thế T3 và anh Ngô Thế T4 (chồng và con trai bà Ngô Thị M) cung cấp: Cách đây khoảng 5-6 năm (cụ thể thời gian không nhớ), bà L có mang 4 tờ giấy vay tiền đến nhờ bà M giúp. Sau khi nghe bà L trình bày thì bà M có phân tích, giải thích cho bà L về sự việc vay tiền. Do thời gian đã lâu nên không nhớ sự việc như thế nào. Nhưng việc vay tiền không liên quan gì đến gia đình ông, không ai biết các khoản vay và không ai đọc các giấy vay của bà L.

- Tại Biên bản làm việc ngày 18/12/2024, ông Dương Minh L1 (chồng bà Lê Thị L) cung cấp: Ông không biết và không liên quan gì đến số tiền 155.000.000 đồng mà bà L khởi kiện bà T1. Ông không biết bà L cho bà T1 vay tiền khi nào, vay bao nhiêu tiền. Tiền mà bà L cho bà T1 vay không liên quan gì đến ông và gia đình ông.

*Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

*Nguyên đơn bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn bà Lê Thị Vân T1 trình bày: Tất cả các khoản vay từ trước đến nay của bà vay bà L đều là khoản vay của cá nhân bà, không liên quan gì đến ông T4 chồng bà hay gia đình bà. Tuy bà không nhớ các khoản đã vay, đã trả bà L nhưng bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L vì bà không bao giờ viết chung 6 khoản vay vào 1 tờ giấy vay như bà L trình bày. Trước đây bà trình bày còn nợ bà

L 2.500.000 đồng nhưng đến nay bà đã trả xong bà L số tiền 2.500.000 đồng này. Bà không còn khoản nợ nào chưa trả đối với bà L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà T1 trả số tiền 155.000.000 đồng. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Đỗ Xuân T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị M đều xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà M là đảm bảo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 155.000.000 đồng nên cần xác định quan hệ pháp luật là “*Kiện đòi tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà L trình bày trong khoảng thời gian từ năm 2016-2017, bà có nhiều lần cho bà T1 vay tiền. Số tiền 155.000.000 đồng mà bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả là nằm trong tổng số tiền gốc 205.000.000 đồng mà bà cho bà T1 vay 6 lần trong khoảng năm 2016-2017, gồm: Lần 1 vay 70.000.000 đồng; Lần 2 vay 50.000.000 đồng; Lần 3 vay 50.000.000 đồng; Lần 4 vay 20.000.000 đồng; Lần 5 vay 10.000.000 đồng; Lần 6 vay 5.000.000 đồng. Bà L không nhớ được cụ thể ngày tháng năm cho bà T1 vay tiền, không xuất trình được giấy vay tiền gốc. Bà T1 thừa nhận nhiều lần vay tiền bà L, mỗi lần vay tiền bà đều viết giấy và đưa cho bà L giữ, đến khi bà trả hết tiền cho bà L thì bà L sẽ trả lại giấy gốc hoặc gạch bỏ khoản vay cho bà nhưng không nhớ có vay bà L những khoản vay mà bà L khởi kiện hay không vì đã lâu và bà không còn giữ các giấy tờ vay.

Như vậy, nguyên đơn bà L không cung cấp được giấy vay tiền gốc hay chứng cứ nào khác chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà T1 không thừa nhận đã vay các khoản vay mà bà L khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 169 Bộ luật dân sự

năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011, không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 155.000.000 đồng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo dân sự sơ thẩm nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Vân T1 trả số tiền 155.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo